TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TG** **TỈNH ĐB**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2021/QĐST-HNGĐ	*TG, ngày 05 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT Đ
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐB

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 04/2020/TLST-HN&GĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Vàng Thị M**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Bản TT, xã TM, huyện TG, tỉnh ĐB.

+ Anh **Giàng A L**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Bản HK, xã PS, huyện TG, tỉnh ĐB.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 12 năm 2020, người yêu cầu gồm chị Vàng Thị M và anh Giàng A L đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị M và anh Giàng A L kết hôn chung sống như vợ chồng từ năm 2014, đến năm 2016 mới đến UBND xã PS, huyện TG, tỉnh ĐB đăng ký kết hôn ngày 01/12/2016 (Trích lục kết hôn số 306/TLKH-BS ngày 27/11/2020 của UBND xã PS, huyện TG, tỉnh ĐB), kết hôn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, do tính cách không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, trong cuộc sống vợ chồng không

có tiếng nói chung; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Chị Vàng Thị M và anh Giàng A L đều thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Vàng Thị M, anh Giàng A L có 02 người con chung là Giàng Thị CH, sinh ngày 27/4/2014 và Giàng A Đ, sinh ngày 29/5/2015. Chị M, anh L thỏa thuận thống nhất giao cho anh Giàng A L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung Giàng Thị CH, Giàng A Đ. Chị Vàng Thị M chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, riêng: Chị Vàng Thị M, anh Giàng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung, riêng: Chị Vàng Thị M, anh Giàng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Vàng Thị M, anh Giàng A L là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện, kinh tế đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn lệ phí nên được miễn lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của chị Vàng Thị M, anh Giàng A L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT Đ:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị M và anh Giàng A L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Giàng Thị CH, sinh ngày 27/4/2014; Giàng A Đ, sinh ngày 29/5/2015 cho anh Giàng A L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Chị Vàng Thị M chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng: Chị Vàng Thị M, anh Giàng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, riêng: Chị Vàng Thị M, anh Giàng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vàng Thị M, anh Giàng A L được miễn lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã PS, huyện TG;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Giàng A Tằng